

Số: **01/2018/DS-PT**
Ngày: 02/01/2018
V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Cùng các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Bùi Thế Xương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Kha – Kiểm
sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLPT-DS ngày 21/11/2017 về
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân
dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2017/QĐ-PT ngày
20/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: 12 A, Phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm
1977; địa chỉ: 257/4, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày
08/7/2016) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: 267A Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến
Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Nhật Long H, Trưởng Văn Phòng luật sư H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người làm chứng: ông Trần Công S, sinh năm 1955

Địa chỉ: 267A Đại lộ A, phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Võ Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn do ông Nguyễn Văn Đồng đại diện trình bày:

Bà Trần Thị Thùy T đã cho bà Võ Thị C vay nhiều lần tiền. Đến ngày 15/3/2010, hai bên tổng kết bà C viết giấy nợ bà T tổng số tiền 520.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, đồng thời bà C giao cho bà T giữ một giấy tờ nhà đất tại số 95B Ngô Quyền, Phường 3, thành phố Bến Tre để làm tin. Sau khi làm giấy nhận nợ, bà C không đóng lãi nhưng có trả nợ gốc cho bà T được năm lần với tổng số tiền là 75.000.000 đồng; bao gồm: ngày 17/6/2010 trả 20.000.000 đồng, ngày 03/12/2011 trả 15.000.000 đồng, ngày 31/01/2013 trả 10.000.000 đồng, ngày 27/7/2013 trả 10.000.000 đồng, ngày 23/01/2014 trả 20.000.000 đồng. Do cần tiền nên bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C trả cho bà T số tiền gốc còn nợ là 445.000.000 đồng nhưng bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà C trả số nợ gốc là 445.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 23/01/2014 cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Bà T không yêu cầu ông Trần Công S, là chồng bà C liên đới trả số nợ trên.

Bị đơn là bà Võ Thị C trình bày: Từ năm 2008 đến năm 2010 bà Võ Thị C có vay tiền của bà Trần Thị Thùy T nhiều lần (16 lần vay), mỗi lần vay không làm giấy tờ với tổng số tiền vay là 80.750.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, vay không thời hạn. Đồng thời, bà C thừa nhận đã ký tên vào biên nhận nợ ngày 15/3/2010, xác nhận bà còn nợ bà T số tiền là 520.000.000 đồng. Nhưng đó là do bà T tính lãi từ những số tiền trong những giấy tay tính tiền mà bà đã cung cấp cho Tòa án. Bà cho rằng phải ký tên vào giấy biên nhận nợ, lý do bà T còn giữ của bà giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nên buộc lòng bà phải ký. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà C đã trả cho bà T 80.750.000 đồng tiền gốc và 19.250.000 đồng tiền lãi gồm: ngày 11/02/2009 trả 15.000.000 đồng tiền gốc, ngày 17/6/2010 trả 20.000.000 đồng tiền gốc, ngày

31/01/2012 trả 10.000.000 đồng tiền gốc, ngày 20/02/2013 trả 10.000.000 đồng tiền gốc, ngày 27/7/2013 trả 10.000.000 đồng tiền gốc, ngày 23/01/2014 trả 20.000.000 đồng tiền lãi. Bà C khẳng định bà không còn nợ bà T số tiền 520.000.000 đồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà đã trả đủ cho bà T tiền gốc và lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 305, 471, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T. Buộc bà Võ Thị C phải trả cho bà Trần Thị Thùy T 445.000.000 đồng tiền nợ gốc.

2. Bác yêu cầu của bà Trần Thị Thùy T yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ghi nhận bà Trần Thị Thùy T không yêu cầu ông Trần Công S liên đới với bà Võ Thị C trả số nợ vay.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/8/2017 bà Võ Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 14/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre kháng nghị bản án.

Tại phiên Toà phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, buộc bà C trả số tiền 445.000.000 đồng, không đồng ý với kháng cáo của bà C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre. Bà C giữ nguyên quan điểm kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Đại diện VKS nhân dân tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà C thừa nhận có ký vào giấy nhận nợ nhưng không thừa nhận số tiền 520.000.000 đồng, vì số tiền này là do bà T cộng dồn gốc và lãi theo 10 tờ giấy được bà T thừa nhận. Số tiền 520.000.000 đồng và 10 tờ giấy viết tay là có liên quan với nhau. Bà T không có chứng cứ để chứng minh là bà T cho bà C vay bao nhiêu lần? mỗi lần bao nhiêu tiền. Bà T không chứng minh được ngoài số tiền trên thì bà C còn vay tiền lần khác. Đối với số tiền lãi đã trả do bị đơn không kháng cáo nên đề nghị không xem xét. Do đó, đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì giấy nhận nợ ngày

15/3/2010 là có việc cộng dồn. Bà T yêu cầu bà C trả số tiền 520.000.000 đồng nhưng không trình bày được số lần vay và số tiền vay cụ thể từng lần là bao nhiêu? Trong khi bà C giải trình được số lần vay và số tiền vay cụ thể, tổng cộng gốc và lãi cộng dồn là 519.000.000 đồng và được làm tròn là 520.000.000 đồng. Về thời gian vay cũng có sự tương đồng. Do vậy, có căn cứ để xác định bà C vay bà T nhiều lần tiền với tổng cộng là 203.263.000 đồng. Bà C cho rằng đã trả cho bà T 80.000.000 đồng, nhưng bà C không có gì để chứng minh. Trong khi bà T chỉ thừa nhận bà C đã trả 75.000.000 đồng. Do vậy, xác nhận số tiền bà C đã trả cho bà T là 75.000.000 đồng là phù hợp. Bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị của VKS nhân dân thành phố Bến Tre, chấp nhận một phần kháng cáo của bà C. Buộc bà C phải trả cho bà T số tiền gốc còn lại là 128.263.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thừa nhận ngày 15/3/2010 bà C có ký nhận nợ với bà T số tiền 520.000.000 đồng. Bà T căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 15/3/2010 để yêu cầu bà C trả số tiền trên. Do khi vay tiền các bên không làm giấy tờ nên bà T không nhớ số lần cụ thể cho vay. Sau khi làm giấy nhận nợ thì bà C có trả cho bà T số tiền 75.000.000 đồng nợ gốc, nay bà T yêu cầu bà C trả số nợ gốc còn lại là 445.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 23/01/2014 cho đến ngày xét xử với lãi suất 1%/tháng. Bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, vì bà C cho rằng trong biên nhận ngày 15/3/2010 là cộng dồn lãi nên mới ra số tiền 520.000.000 đồng. Bà T còn giữ của bà C giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nên buộc lòng bà C phải ký nhận nợ. Thực tế bà C vay của bà T 16 lần tổng cộng số tiền là 80.750.000 đồng. Bà C đã trả cho bà T 100.000.000 đồng nên bà không còn nợ bà C nữa.

Bà C cho rằng, bà T đã cộng dồn lãi trong 10 tờ giấy do bà T viết nên ra số tiền 520.000.000 đồng. Ông Đ cho rằng ban đầu, bà T có thừa nhận 10 tờ giấy tay là do bà T viết nhưng sau đó bà T không thừa nhận, do đó 10 tờ giấy viết tay mà bà C giao nộp cho Tòa không liên quan đến số tiền 520.000.000 đồng.

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cả hai bên đương sự đều không chứng minh được bà C vay của bà T bao nhiêu lần? Mỗi lần bao nhiêu tiền? Tuy nhiên trong giấy nhận nợ ngày 15/3/2010 thì cả hai bên đều thống nhất bà C còn nợ bà T 520.000.000 đồng. Bà T thừa nhận sau ngày 15/3/2010 thì bà C có trả cho bà 75.000.000 đồng tiền vốn. Bà T không thừa nhận ngày 20/2/2013 bà C trả thêm 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, phía bà C cũng không chứng minh được có trả thêm tiền gốc và lãi vào ngày 20/2/2013. Do đó, có cơ sở để cho rằng số tiền gốc bà C đã trả cho bà T là 75.000.000 đồng. Án sơ thẩm đã trừ số tiền 75.000.000 đồng, buộc bà C phải trả cho bà T số tiền 445.000.000 đồng và bác yêu cầu tính lãi của bà T đối với số tiền trên là phù hợp. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre căn cứ vào

10 tờ giấy biên nhận do bà C nộp, đề nghị sửa án sơ thẩm là không có cơ sở. Vì số tiền cộng lại trong 10 tờ biên nhận không đúng với số tiền như trong giấy biên nhận ngày 15/3/2010 là 520.000.000 đồng. Mặt khác, bà C cho rằng bà ký vào giấy nhận nợ ngày 15/3/2010 là do bị ép buộc nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh.

Từ những nhận định trên, HĐXX nhận thấy cấp sơ thẩm buộc bà C phải trả cho bà T số tiền 445.000.000 đồng là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre và quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên toà không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

Do bà C là người cao tuổi nên bà C không phải nộp án phí dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T. Buộc bà Võ Thị C phải trả cho bà Trần Thị Thùy T 445.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu của bà Trần Thị Thùy T yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ghi nhận bà Trần Thị Thùy T không yêu cầu ông Trần Công S liên đới với bà Võ Thị C trả số nợ vay.

Buộc bà Trần Thị Thùy T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 692/CN-UB tại địa chỉ nhà số 95b, đường B, Phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cho bà Võ Thị C.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị C số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011340 ngày 07/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Tư

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Kim Cửa

Nguyễn Kim Tư

Nguyễn Thị Ngọc Hương